

## 1983-as világbajnokság

Versenyző	Autó	BRA	USA	FRA	RSM	MCO	BEL	USA	CAN	GBR	GER	AUT	NED	ITA	EUR	RSA	Összes
1. Nelson Piquet	Brabham - BMW BT52	9	CN	6	CN	6	3	3	CN								59
	Brabham - BMW BT52B									6	0	4	CN	9	9	4	
2. Alain Prost	Renault RE30C	0															57
	Renault RE40		0	9	6	4	9	0	2	9	3	9	CN	CN	6	CN	
3. Rene Arnoux	Ferrari 126C2B	0	4	0	4	CN	CN	CN	9								49
	Ferrari 126C3									2	9	6	9	6	0	CN	
4. Patrick Tambay	Ferrari 126C2B	2	CN	3	9	3	6	CN	4								40
	Ferrari 126C3									4	CN	CN	6	3	CN	CN	
5. Keke Rosberg	Williams - Ford FW08C	KZ	CN	2	3	9	2	6	3	0	0	0	CN	0	CN		27
	Williams - Honda FW09															2	
6. John Watson	McLaren - Ford MP4/1C	CN	9	CN	2	NK	CN	4	1	0	2	0	4				22
	McLaren - TAG MP4/1E													CN	CN	CN	
Eddie Cheever	Renault RE30C	CN	CN														22
	Renault RE40			4	CN	CN	4	CN	6	CN	CN	3	CN	4	0	1	
8. Andrea de Cesaris	Alfa Romeo 183T	KÁ	CN	0	CN	CN	CN	CN	CN	0	6	CN	CN	CN	3	6	15
9. Riccarrdo Partrese	Brabham - BMW BT52	CN	0	CN	CN	CN	CN	CN	CN								13
	Brabham - BMW BT52B									CN	4	CN	0	CN	0	9	
10. Niki Lauda	McLaren - Ford MP4/1C	4	6	CN	CN	NK	CN	CN	CN	1	KZ	1					12
	McLaren - TAG MP4/1E												CN	CN	CN	0	
11. Jacques Laffite	Williams - Ford FW08C	3	3	1	0	CN	1	2	CN	0	1	CN	CN	NK	NK		11
	Williams - Honda FW09															CN	
12. Michele Alboreto	Tyrrell - Ford 011	CN	0	0	CN	CN	0	9	0	0	CN						10
	Tyrrell - Ford 012											CN	1	CN	CN	CN	
Nigel Mansell	Lotus - Ford 92	0	0	CN	0	CN	CN	1	CN								10
	Lotus - Renault 94T									3	CN	2	CN	0	4	NO	
14. Derek Warwick	Toleman - Hart TG183B	0	CN	CN	CN	CN	0	CN	CN	CN	CN	CN	3	1	2	3	9
15. Marc Surer	Arrows - Ford A6	1	2	0	1	CN	0	0	CN	0	0	CN	0	0	CN	0	4
16. Mauro Baldi	Alfa Romeo 183T	CN	CN	CN	0	1	CN	0	0	0	CN	CN	2	CN	CN	CN	3
17. Danny Sullivan	Tyrrell - Ford 011	0	0	CN	CN	2	0	CN	KZ	0	0	CN	CN	CN			2
	Tyrrell - Ford 012														CN	0	
17. Elio de Angelis	Lotus - Ford 92	KZ															2
	Lotus - Renault 93T		CN	CN	CN	CN	0	CN	CN								
	Lotus - Renault 94T									CN	CN	CN	CN	2	CN	CN	
19. Johnny Cecotto	Theodore - Ford N183	0	1	0	CN	NK	0	CN	CN	NK	0	NK	NK	0			1
Bruno Giacomelli	Toleman - Hart TG183B	CN	CN	0	CN	NK	0	0	CN	CN	CN	CN	0	0	1	CN	1
Kenny Acheson	RAM - Ford 01									NK	NK	NK	NK	NK	NK	0	-
Raul Boesel	Ligier - Ford JS21	CN	0	CN	0	CN	0	0	CN	CN	CN	CN	0	NK	0	NO	-
Thierry Boutsen	Arrows - Ford A6						CN	0	0	0	0	0	0	CN	0	0	-
Corrado Fabi	Osella - Ford FA1D	CN	NK	CN	CN	NK	CN	NK	CN								-
	Osella - Alfa Romeo FA1E									NK	NK	0	0	CN	NK	CN	
Piercarlo Ghinzani	Osella - Ford FA1D	NK	NK	NK													-
	Osella - Alfa Romeo FA1E				NK	NK	NK	CN	NK	CN	CN	0	NK	CN	NO	CN	
Roberto Guerrero	Theodore - Ford N183	NO	CN	CN	CN	NK	CN	NO	CN	0	CN	CN	0	0	0		-
Jean-Pierre Jarier	Ligier - Ford JS21	CN	CN	0	CN	CN	CN	CN	CN	0	0	0	CN	0	CN	0	-
Stefan Johansson	Spirit - Honda 201									CN		0		CN	0		-
	Spirit - Honda 201C										CN		0				
Alan Jones	Arrows - Ford A6		CN														-
Jonathan Palmer	Williams - Ford FW08C														0		-
Eliseo Salazar	RAM - Ford 01	0	CN	NK	NK	NK	NK										-
Jean-Louis Schlesser	RAM - Ford 01			NK													-
Chico Serra	Arrows - Ford A6	0		CN	0	0											-
Jacques Villeneuve	RAM - Ford 01								NK								-
Manfred Winkelhock	ATS - BMW D6	0	CN	CN	0	CN	CN	CN	0	CN	NK	CN	KZ	CN	0	CN	-

Konstruktőr	Motor / Gumi	BRA	USA	FRA	RSM	MCO	BEL	USA	CAN	GBR	GER	AUT	NED	ITA	EUR	RSA	Összes
1. Ferrari	Ferrari / Goodyear	2	4	3	13	3	6	0	13	6	9	6	15	9	0	0	89
2. Renault	Renault / Michelin	0	0	13	6	4	13	0	8	9	3	12	0	4	6	1	79
3. Brabham	BMW / Michelin	9	0	6	0	6	3	3	0	6	4	4	0	9	9	13	72
4. Williams	Ford / Goodyear	3	3	3	3	9	3	8	3	0	1	0	0	0	0		38
	Honda / Goodyear															2	
5. McLaren	Ford / Michelin	4	15	0	2	0	0	4	1	1	2	1	4				34
	TAG / Michelin												0	0	0	0	
6. Alfa Romeo	Alfa Romeo / Michelin	0	0	0	0	1	0	0	0	0	6	0	2	0	3	6	18
7. Tyrrell	Ford / Goodyear	0	0	0	0	2	0	9	0	0	0	0	1	0	0	0	12
7. Lotus	Ford / Pirelli	0	0	0	0	0	0	1	0								12
	Renault / Pirelli		0	0	0	0	0	0	0	3	0	2	0	2	4	0	
9. Toleman	Hart / Pirelli	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	3	3	10
10. Arrows	Ford / Goodyear	1	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
11. Theodore	Hart / Goodyear	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		1
ATS	BMW / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
	Ligier	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Osella	Ford / Michelin	0	0	0	0	0	0	0	0								-
	Alfa Romeo / Michelin				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
RAM	Ford / Pirelli	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	-
Spirit	Hart / Goodyear									0	0	0	0	0	0		-

Rövidítés-magyarázat:

CN = Célbaérés nélkül  
 NI = Nem indult  
 NK = Nem kvalifikált  
 NO = Nem osztályozták  
 KÁ = Kiállítva  
 KZ = Kizárva